

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2023.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình  
- ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Minh Tiếp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Xuân Hùng
2. Ông Phạm Tiến Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Ngọc Thắm - là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2023/QĐST-DS ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Trúc L (Chức L), sinh năm 1999 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp 12, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1988 ( vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp 12, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L (gọi tắt là bà L) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2020, ông M và bà L có tổ chức đám cưới, hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, hiện tại bà L không còn tình cảm với ông M, nên bà L cương quyết xin được ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hoàng B (giới tính: nam) sinh ngày: 23/9/2020, bà L thống nhất để ông M nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn (sau đây gọi tắt ông M) trình bày:

Ông M thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân. Về nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ khoảng năm 2022. Ông M có về nhà ăn nỉ vợ con nhưng bà L nhất quyết không về. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông M đồng ý. Về con chung ông M xin được nuôi con chung không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có 08 chỉ vàng 24k ông M yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung: Có mượn người cậu ông M số tiền 24.000.000đ để đi khám bệnh 02 vợ chồng. Nay ông M yêu cầu chia đôi số nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn bà Linh khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông M. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2]. Tại phiên tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt lần 02 không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông M tự nguyện kết hôn vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn theo đúng pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, ông M và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà L cho rằng mâu thuẫn giữa ông và bà không thể hàn gắn. Trong quá trình

giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông M, bà L để hòa giải hàn gắn nhưng bà L cương quyết xin ly hôn. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thời gian ly thân và mâu thuẫn. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông M thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng bà L và ông M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà bà L yêu cầu xin ly hôn với ông M là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Linh. Cho bà L được ly hôn với ông M theo đúng quy định.

[2.2]. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng B (giới tính: nam), sinh ngày: 23/9/2020. Xét thấy, từ khi bà L và ông M ly thân cho đến nay, cháu B sống chung với gia đình ông M được gia đình ông M chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Tại phiên tòa bà L thống nhất để cháu B tiếp tục sống chung với ông M. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu B nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu B cho ông M được tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền khởi kiện cho ông M yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con khi ông M có yêu cầu. Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung: Tại biên bản lấy lời khai ông M khai có tài sản chung là 08 chỉ vàng (9999), hiện tại do bà L đang giữ, nên yêu cầu được chia đôi. Tuy nhiên Tòa án thông báo cho ông M thủ tục đóng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung nhiều lần, nhưng ông M không thực hiện nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa bà L không thừa nhận số vàng này do lúc còn sống chung đã bán chỉ tiêu trong gia đình, hiện tại không còn. Đối với yêu cầu này Tòa án chưa xem xét, khi nào ông M có yêu cầu Tòa án sẽ thụ lý thành vụ kiện khác giải quyết sau.

[2.4]. Về nợ chung: Cũng tại biên bản lấy lời khai ông M khai có mượn “người cậu” số tiền 24.000.000đ. Tuy nhiên Tòa án triệu tập, thông báo cho ông M cung cấp họ, tên, địa chỉ cụ thể của “người cậu”, để Tòa án đưa vào tham gia tố tụng, nhưng ông M không cung cấp thông tin và Tòa án không làm việc được với ông M. Tại phiên tòa bà L cũng không biết gì về nội dung này. Đối với vấn đề này Tòa án sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi có “người cậu” yêu cầu.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[4]. Các đương sự trong vụ án được thực hiện quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; khoản 2 Điều 53; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc L đối với ông Nguyễn Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Trúc L đối với ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Có 01 con chung cháu Nguyễn Hoàng B, giới tính (nam) sinh ngày 23/9/2020 cho ông Nguyễn Văn M tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Trúc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Bà Lê Thị Trúc L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông M chưa yêu cầu.

Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên trực tiếp nuôi con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bên không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi của các cháu, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Văn M khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho “người cậu” (theo ông M khai) khi có yêu cầu.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo lai thu số 0003185 ngày 02/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận**

- VKSND huyện Vị Thủy;
- THADS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã nơi đương sự cư trú;
- Các đương sự;
- Công bố bản án;
- Lưu hồ sơ.

**Châu Minh Tiếp**





